



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
NOVA
CONSUMER
R

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L=315
Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân
Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt
Nam, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN NOVA CONSUMER, OU=
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NOVA CONSUMER, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA
CONSUMER,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0301447257, E=yen.dinhthihong
@novaconsumer.com.vn
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.03.31 15:30:12+0700
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh

www.aascs.com.vn

Tel : (+84) 028 3820 5944

Fax : (+84) 028 3820 5947



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 6
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	7 - 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 53



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 9 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : **1.197.843.250.000 đồng.**
Trụ sở chính : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : +(84) (028) 3846 6888

Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 26 tháng 10 năm 2023, mã chứng khoán giao dịch là NCG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý (CPC 865));
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm.
Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ các hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp. *Chi tiết:* Trồng rừng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản, ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính.

Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842);

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
- Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2022 Miễn nhiệm ngày 27/08/2025
Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2025
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 11/02/2022
- Ủy ban Kiểm toán		
Bà Trần Thị Thu Thảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/02/2022
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2022
- Ban Tổng Giám đốc		
Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2026
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2025
Ông Trần Mạnh Hào	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/10/2025 Miễn nhiệm ngày 23/01/2026
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/03/2022 Miễn nhiệm ngày 01/08/2025
Bà Đặng Ngọc Khánh Vân	Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Quản trị hệ thống	Bổ nhiệm ngày 19/06/2025 Miễn nhiệm ngày 01/12/2025
Ông Huỳnh Bảo Thuần	Phó Tổng Giám đốc Sale và Marketing	Bổ nhiệm ngày 23/07/2025 Miễn nhiệm ngày 14/10/2025
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 23/05/2023 Miễn nhiệm ngày 11/12/2025
- Người đại diện pháp luật		
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/08/2025 Miễn nhiệm ngày 14/10/2025 Bổ nhiệm ngày 01/12/2025
Ông Trần Mạnh Hào	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/10/2025 Miễn nhiệm ngày 01/12/2025
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/03/2022 Miễn nhiệm ngày 01/08/2025

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Hiếu Liêm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

IV. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Tập đoàn tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Duyệt, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hiếu Liêm

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

Số 418 /BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2026, được trình bày từ trang 9 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

TP. HCM, Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN KTV số: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN KTV số: 1091-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.288.099.903.442	2.058.303.725.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	274.017.374.262	114.424.543.373
Tiền	111		274.017.374.262	103.424.543.373
Các khoản tương đương tiền	112		-	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.827.058.138	14.917.058.138
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	470.095	470.095
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	35.826.588.043	14.916.588.043
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.207.707.885.568	1.211.726.168.659
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	670.153.768.441	674.945.793.131
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.1	134.592.863.540	173.194.622.006
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	639.713.943.458	641.623.858.242
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	289.497.252.061	230.316.347.772
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.9	(526.249.941.932)	(508.354.452.492)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	744.353.748.421	679.784.771.281
Hàng tồn kho	141		745.517.460.485	682.145.530.219
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.163.712.064)	(2.360.758.938)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.193.837.053	37.451.183.693
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	4.043.847.290	13.204.013.824
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.268.552.966	2.133.363.006
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	19.881.436.797	22.113.806.863
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.640.937.857.998	1.717.199.981.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		270.282.951.625	290.230.962.757
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.2	132.000.000.000	152.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	138.282.951.625	475.230.962.757
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	-	(337.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
II. Tài sản cố định	220		815.874.811.750	887.000.795.309
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	696.011.188.955	757.508.598.625
- Nguyên giá	222		1.391.450.233.091	1.388.899.753.666
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(695.439.044.136)	(631.391.155.041)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	20.523.825.866	22.554.729.291
- Nguyên giá	225		26.005.404.773	26.005.404.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.481.578.907)	(3.450.675.482)
Tài sản cố định vô hình	227	V.12	99.339.796.929	106.937.467.393
- Nguyên giá	228		161.462.087.207	161.411.087.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.122.290.278)	(54.473.619.814)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		87.387.406.906	85.345.406.906
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	87.387.406.906	85.345.406.906
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		155.316.256.754	161.129.260.669
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	89.851.267.817	93.005.975.891
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.4	68.123.284.778	68.123.284.778
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.658.295.841)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		312.076.430.963	293.493.555.559
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	231.787.565.231	204.156.342.457
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	9.688.449.234	7.875.194.065
Lợi thế thương mại	269	V.15	70.600.416.498	81.462.019.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.929.037.761.440	3.775.503.706.344

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.800.652.855.732	1.770.900.493.156
I. Nợ ngắn hạn	310		1.675.990.299.331	1.648.354.423.788
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	224.547.407.996	243.771.681.553
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	27.681.760.092	29.818.238.685
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	24.126.507.126	24.284.636.042
Phải trả người lao động	314		25.027.507.540	27.211.466.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	84.911.322.384	69.964.098.870
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		37.347.760	97.678.786
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20.1	87.157.873.745	59.651.776.665
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23.1	1.197.089.021.833	1.187.694.540.981
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21.1	1.742.802.231	1.742.802.231
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	3.668.748.624	4.117.503.914
II. Nợ dài hạn	330		124.662.556.401	122.546.069.368
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		78.550.400	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.20.2	280.000.000	280.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23.2	709.699.895	61.836.671.591
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	117.243.207.826	54.420.092.082
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21.2	6.351.098.280	6.009.305.695
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.128.384.905.708	2.004.603.213.188
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	2.128.384.905.708	2.004.603.213.188
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		426.598.785.061	426.598.785.061
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(3.772.154.614)	(3.772.154.614)
Quỹ đầu tư phát triển	418		72.502.285.340	71.988.693.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		401.801.771.790	289.556.800.536
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		208.801.279.908	206.687.922.078
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm nay	421b		193.000.491.882	82.868.878.458
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33.410.968.131	22.387.838.495
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.929.037.761.440	3.775.503.706.344


Đỗ Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng kiêm người lập



TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026


Nguyễn Hiếu Liêm
 Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.882.703.640.388	4.563.962.481.426
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	357.829.131.643	315.083.869.226
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.524.874.508.745	4.248.878.612.200
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.770.416.209.118	3.679.072.551.820
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		754.458.299.627	569.806.060.380
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	60.270.384.133	41.431.267.824
Chi phí tài chính	22	VI.5	103.153.473.902	110.103.609.988
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		71.656.095.055	86.004.779.141
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		20.585.980.714	14.662.868.617
Chi phí bán hàng	25	VI.6	293.703.861.845	246.542.976.322
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	195.126.020.279	140.090.584.776
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		243.331.308.448	129.163.025.735
Thu nhập khác	31	VI.8	3.177.884.086	829.125.122
Chi phí khác	32	VI.9	711.132.189	4.194.011.676
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.466.751.897	(3.364.886.554)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		245.798.060.345	125.798.139.181
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	35.757.025.126	34.286.552.417
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.388.454.425)	(7.675.415.859)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		216.429.489.644	99.187.002.623
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		193.000.491.882	82.868.878.458
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		23.428.997.762	16.318.124.165
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.611	692
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.611	692


Đỗ Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng kiêm người lập



TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026


Nguyễn Hiếu Liêm
 Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	245.798.060.345	125.798.139.181
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	95.083.734.262	98.429.444.531
- Các khoản dự phòng	03	(317.301.469.008)	(44.255.799.517)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.312.593.856	14.957.469.388
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.860.047.700)	(52.062.540.473)
- Chi phí lãi vay	06	71.656.095.055	86.004.779.141
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.688.966.810	228.871.492.251
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	380.803.496.494	(180.409.531.250)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(63.371.930.266)	71.507.131.470
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(21.170.805.955)	(47.541.360.391)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(18.471.056.240)	17.689.488.547
- Tiền lãi vay đã trả	14	(42.556.326.954)	(57.710.358.453)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(32.437.458.808)	(41.333.909.920)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.400.805.630)	(15.427.887.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	230.084.079.451	(24.354.935.082)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.356.733.017)	(15.856.511.116)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.017.299.911	8.290.848.189
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(79.908.085.216)	(256.508.588.043)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	63.298.000.000	203.728.661.758
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.965.555.335	68.390.815.097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.983.962.987)	8.045.225.885

011729-C
 CÔNG TY
 TNHH
 TƯ VẤN
 KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	2.869.294.652.706	3.874.019.310.997
Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(2.917.806.387.803)	(4.017.976.583.233)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(5.234.159.196)	(4.892.209.196)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.687.111.378)	(15.305.561.386)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.433.005.671)	(164.155.042.818)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		159.667.110.793	(180.464.752.015)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	114.424.543.373	294.901.008.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(74.279.904)	(11.713.588)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	274.017.374.262	114.424.543.373

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Đỗ Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng kiêm người lập



Nguyễn Hiếu Liêm
 Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 9 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cồn và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 10 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages và Công ty Cổ phần HKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty - Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Anova Feed Trụ sở: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.	99,99%	99,99%
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP Trụ sở: 54 - 56 Lê Quốc Hưng, phường Xóm Chiếu, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	94,96%	94,96%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET Trụ sở: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.	99,67%	99,67%
Công ty Cổ phần Anova Farm Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,84%	99,84%
Công ty Liên doanh TNHH Anova Trụ sở: 36 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	57,00%	57,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty - Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thành Nhơn Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,556%	99,556%
Công ty Cổ phần Anova Biotech Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,80%	99,80%
Công ty Cổ phần Anova Tech Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	85,83%	85,83%
Công ty TNHH Asian Pacifico (Tên cũ là Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mọc) Trụ sở: 5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại Văn phòng Lô X (Sunsise City North) 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm (Công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Asian Pacifico) Trụ sở: Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, phường Khánh Hậu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.	99,39%	99,39%

5c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty - Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie Trụ sở: 2/3 Đường Tăng Nhơn Phú, khu phố 19, phường Phước Long, Tp.Hồ Chí Minh.	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co Trụ sở: Km 18, Quốc lộ 32, xã Hoài Đức, Tp.Hà Nội.	23,84%	23,84%
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (Công ty liên kết trực tiếp với Tổng Công ty Mía đường II - CTCP) Trụ sở: Khu vực 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh.	20,66%	20,66%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
 Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.994 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.918 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay: áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận góp vốn: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn, nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí phát sinh. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoại trừ lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu cho vay được trích lập dựa trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư: khoản tổn thất do đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu giao dịch bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tập đoàn và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tập đoàn đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tập đoàn có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Tập đoàn mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn).

7. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Vật nuôi

Chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40-44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản hữu hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo KQKD.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 52
- Máy móc thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 08
- Cây lâu năm, gia súc	04 - 16
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản

- Máy móc thiết bị

Số năm

04 - 15

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mua mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một số tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi thanh lý tài sản vô hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo KQKD.

Tài sản vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp với đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (tức ngày 1 tháng 7 năm 2004) được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian giao đất (42-44,8 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 10 năm.

Thương hiệu

Thương hiệu được xác định khi mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả giao dịch bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ;

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

13. Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho một năm làm việc.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng hoàn nguyên môi trường

Khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường liên quan đến việc ước tính các chi phí thu dọn, tháo dỡ và vận chuyển máy móc thiết bị, nhà xưởng để khôi phục và hoàn trả mặt bằng.

Tăng, giảm số dự phòng hoàn nguyên môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Các khoản vay, nợ phải trả bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn vay tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch khoản vay.

3305011
CÔNG
TNH
DỊCH VỤ T
CHÍNH N
VÀ KIỂM
PHÍA N
VI - T.P.H

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá. Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

17. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	321.010.999	25.407.086.991
- Tiền gửi ngân hàng	273.696.363.263	78.017.456.382
- Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
Cộng	274.017.374.262	114.424.543.373

0501172
CÔNG T
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VỊ CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM T
PHÍA NA
I - T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	470.095	-	-	470.095
Cộng	470.095	-	-	470.095

2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	35.826.588.043	35.826.588.043	14.916.588.043	14.916.588.043
<i>b. Dài hạn</i>				
	35.826.588.043	35.826.588.043	14.916.588.043	14.916.588.043
Cộng	35.826.588.043	35.826.588.043	14.916.588.043	14.916.588.043



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị gốc VND	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư VND	Giá trị gốc VND	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư VND
- Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie	i 14.821.385.049	53.125.599.417		
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co	ii 28.733.839.420	(6.829.556.069)	14.821.385.049	52.756.834.030
- Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	28.733.839.420	(3.306.082.608)
Cộng	43.555.224.469	46.296.043.348	43.555.224.469	49.450.751.422

i. Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie 14.821.385.049 VND, tương đương 30% vốn điều lệ
 ii. Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co 8.584.000.000 VND, tương đương 23,84% vốn điều lệ, với giá phí khoản đầu tư là 28.733.839.420 VND.

- Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau

	Giá trị phần sở hữu đầu năm VND	Phần lãi hoặc lỗ trong năm VND	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm VND	Giá trị phần sở hữu cuối năm VND
- Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie	67.578.219.079	24.109.454.175	(23.740.688.788)	67.946.984.466
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co	25.427.756.812	(3.523.473.461)	-	21.904.283.351
- Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-
Cộng	93.005.975.891	20.585.980.714	(23.740.688.788)	89.851.267.817

- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hoà không hoạt động, Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co hoạt động kinh doanh bị lỗ. Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết (tiếp theo)
- Các giao dịch chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND		Năm 2024 VND	
Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ		345.600.000		288.000.000
		Bán hàng hoá		37.097.299.601		37.865.902.039
		Mua hàng hoá		15.237.557.045		12.725.175.710
		Thuế xe		360.000.000		360.000.000
		Cổ tức nhận được		23.740.688.788		24.254.821.086
2.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
			31/12/2025		1/1/2025	
			Giá trị gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco			33.530.784.778	(2.658.295.841)	30.872.488.937	33.530.784.778
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần			34.592.500.000	-	-	-
	Cộng		68.123.284.778	(2.658.295.841)	68.123.284.778	-
Giá trị hợp lý						
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 được xác định là bình quân giao dịch 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán.						
- Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.						



2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	-	(5.335.744.712)
Số trích/hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.658.295.841)	5.335.744.712
Số cuối năm	<u>(2.658.295.841)</u>	<u>-</u>

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
3.1. Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	4.747.469.350	2.205.777.662
- Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie	4.747.469.350	2.205.777.662
3.2. Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	665.406.299.091	672.740.015.469
- Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	286.492.793.195	299.851.824.065
- Các khách hàng khác	378.913.505.896	372.888.191.404
Cộng	<u>670.153.768.441</u>	<u>674.945.793.131</u>

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
4.1 Ngắn hạn		
- Enerfo Pte Ltd	19.684.425.800	69.554.359.976
- Louis Dreyfus Company Asia Pte, Ltd	58.354.380.208	-
- Hong Kong JF Agriculture Co., Ltd	25.507.284.000	-
- Các nhà cung cấp khác	31.046.773.532	103.640.262.030
Cộng	<u>134.592.863.540</u>	<u>173.194.622.006</u>
4.2 Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	132.000.000.000	152.000.000.000
Cộng	<u>132.000.000.000</u>	<u>152.000.000.000</u>

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn Vet cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng nguyên tắc số 0111/HTPP-AFF/2022 ngày 01/11/2022 về phân phối hàng hoá, phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối với thời hạn kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2025 và được gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2028 theo Phụ lục số 01 ngày 28/12/2023.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
- Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	611.541.858.242	635.423.858.242
- Các đối tượng khác	28.172.085.216	6.200.000.000
Cộng	639.713.943.458	641.623.858.242

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025 Giá trị VND	Dự phòng VND	1/1/2025 Giá trị VND	Dự phòng VND
6.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	2.747.333.513	-	37.684.967.966	-
- Ký quỹ, ký cược (i)	171.005.440.000	-	130.645.340.000	-
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.027.500.000	-	1.027.500.000	-
- Lãi cho vay và lãi tiền gửi dự thu	76.447.340.415	(644.738.993)	36.498.161.430	(349.636.437)
- Các khoản phải thu khác	38.269.638.133	(1.020.000)	24.460.378.376	(1.020.000)
Cộng	289.497.252.061	(645.758.993)	230.316.347.772	(350.656.437)
6.2 Dài hạn				
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	337.000.000.000	(337.000.000.000)
- Ký quỹ ký cược (ii)	138.282.951.625	-	138.230.962.757	-
Cộng	138.282.951.625	-	475.230.962.757	(337.000.000.000)

(i) Theo Thỏa thuận hứa mua, hứa bán phần vốn góp ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET và Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng về việc mua lại toàn bộ cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Nova Nutrition & Wellness (trung ương tỷ lệ 99,92%) với khoản đặt cọc trị giá 130.000.000.000 đồng. Hợp đồng được gia hạn theo phụ lục số 02 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

(ii) Ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phục vụ thuê trại chăn nuôi.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	34.516.460.743	-	31.102.814.563	-
- Nguyên vật liệu	303.014.109.750	(478.041.800)	271.481.762.870	(787.455.915)
- Công cụ, dụng cụ	9.474.461.872	-	9.235.628.539	(101.776.886)
- Chi phí SXKD dở dang	267.492.409.333	-	268.425.288.479	-
- Thành phẩm	33.205.314.094	(172.830.376)	29.490.904.654	(95.239.849)
- Hàng hóa	97.814.704.693	(512.839.888)	72.409.131.114	(1.376.286.288)
Cộng	745.517.460.485	(1.163.712.064)	682.145.530.219	(2.360.758.938)

Tình hình biến động giảm giá hàng tồn kho

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Số đầu năm	2.360.758.938	5.229.322.873
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(1.197.046.874)	(2.868.563.935)
- Số cuối kỳ	1.163.712.064	2.360.758.938

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

8.1 Ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ	3.256.259.529	2.224.101.139
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	787.587.761	10.979.912.685
Cộng	4.043.847.290	13.204.013.824

8.2 Dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
- Vật nuôi	71.708.772.459	94.452.680.974
- Tiền thuê đất trả trước	60.744.923.112	62.456.828.327
- Phí cơ sở hạ tầng	87.434.802.961	40.193.238.102
- Chi phí công cụ, dụng cụ	5.621.641.738	3.332.968.758
- Chi phí trả trước dài hạn khác	6.277.424.961	3.720.626.296
Cộng	231.787.565.231	204.156.342.457

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9 . NỢ XẤU

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
9.1. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	556.920.127.670	46.162.288.600	493.506.858.242	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương	550.810.127.670	44.452.288.600	487.306.858.242	-
	6.110.000.000	1.710.000.000	6.200.000.000	3.000.000.000
9.2. Phải thu khách hàng ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đại Nam Ông Biển	13.039.157.919	76.578.250	15.934.985.394	321.811.781
- Công ty TNHH Liên doanh TopCake	6.910.000.000	-	6.910.000.000	-
- Ông Lê Hồng Phong	3.197.700.000	-	3.197.700.000	-
- Các khách hàng khác	-	-	2.165.989.841	-
	2.931.457.919	76.578.250	3.661.295.553	321.811.781
9.3. Trả trước cho nhà cung cấp				
- Công ty TNHH TM DV XNK Nông sản Quốc tế	1.883.764.200	-	1.883.764.200	-
	1.883.764.200	-	1.883.764.200	-
9.4. Phải thu ngắn hạn khác				
- Các đối tượng khác	1.074.911.634	429.152.641	783.647.393	432.990.956
	1.074.911.634	429.152.641	783.647.393	432.990.956
9.5. Phải thu dài hạn khác				
- Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	-	-	337.000.000.000	-
	-	-	337.000.000.000	-
Cộng	572.917.961.423	46.668.019.491	849.109.255.229	3.754.802.737



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm, gia súc VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	622.380.007.058	675.406.576.186	45.114.500.755	33.889.338.920	7.447.896.887	4.661.433.860	1.388.899.753.666
- Mua trong năm	208.135.992	8.641.358.174	3.084.338.908	333.899.943	-	-	12.267.733.017
- Đầu tư XDCB hoàn thành	138.538.790	-	-	-	-	-	138.538.790
- Thanh lý, nhượng bán	(92.990.909)	(2.855.243.776)	(4.313.069.001)	(1.216.418.182)	(689.227.787)	-	(9.166.949.655)
- Giảm khác	-	(103.400.000)	-	-	-	-	(103.400.000)
- Giảm do thoái vốn công ty con	-	(369.500.000)	-	(215.942.727)	-	-	(585.442.727)
Số dư cuối năm	622.633.690.931	680.719.790.584	43.885.770.662	32.790.877.954	6.758.669.100	4.661.433.860	1.391.450.233.091
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	230.652.792.140	336.965.327.017	28.020.746.289	25.399.248.190	7.088.207.037	3.264.834.368	631.391.155.041
- Khấu hao trong năm	27.217.877.191	40.910.997.832	2.716.753.226	2.172.437.800	1.257.173.583	229.318.202	74.504.557.834
- Thanh lý, nhượng bán	(92.990.909)	(2.855.243.776)	(4.124.930.108)	(1.216.418.182)	(467.587.538)	-	(8.757.170.513)
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.403.341.183)	-	(1.403.341.183)
- Giảm do thoái vốn công ty con	-	(134.199.998)	-	(161.957.045)	-	-	(296.157.043)
Số dư cuối năm	257.777.678.422	374.886.881.075	26.612.569.407	26.193.310.763	6.474.451.899	3.494.152.570	695.439.044.136
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	391.727.214.918	338.441.249.169	17.093.754.466	8.490.090.730	359.689.850	1.396.599.492	757.508.598.625
- Tại ngày cuối năm	364.856.012.509	305.832.909.509	17.273.201.255	6.597.567.191	284.217.201	1.167.281.290	696.011.188.955
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay							595.747.567.900 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng							146.032.511.400 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Số đầu năm	26.005.404.773	3.450.675.482	22.554.729.291
Khấu hao trong năm	-	2.030.903.425	-
Số cuối năm	26.005.404.773	5.481.578.907	20.523.825.866

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Thương hiệu VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	98.094.865.106	19.982.222.101	43.334.000.000	161.411.087.207
Mua trong năm	-	89.000.000	-	89.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Số cuối năm	98.094.865.106	20.033.222.101	43.334.000.000	161.462.087.207
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	25.937.483.289	17.702.636.525	10.833.500.000	54.473.619.814
Khấu hao trong năm	2.309.284.257	1.043.986.207	4.333.400.000	7.686.670.464
Thanh lý, nhượng bán	-	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Số cuối năm	28.246.767.546	18.708.622.732	15.166.900.000	62.122.290.278
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	72.157.381.817	2.279.585.576	32.500.500.000	106.937.467.393
Số cuối năm	69.848.097.560	1.324.599.369	28.167.100.000	99.339.796.929
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay			69.848.097.560	VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			15.148.984.288	VND

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
- Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An	43.128.097.087	43.128.097.087
- Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên	20.781.671.635	20.781.671.635
- Công trình khác	3.246.920.000	1.204.920.000
- Quyền nghi dưỡng	20.230.718.184	20.230.718.184
Cộng	87.387.406.906	85.345.406.906

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	9.688.449.234	7.875.194.065
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(117.243.207.826)	(54.420.092.082)
	(107.554.758.592)	(46.544.898.017)

14 . THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.875.194.065	4.282.720.602
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	1.813.255.169	3.592.473.463
Số dư cuối năm	9.688.449.234	7.875.194.065

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	54.420.092.082	58.503.034.478
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(4.575.199.256)	(4.082.942.396)
Thoái vốn công ty con	67.398.315.000	-
Số dư cuối năm	117.243.207.826	54.420.092.082

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh chủ yếu từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, lợi nhuận chưa thực hiện, và loại trừ dự phòng phát sinh khi hợp nhất.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Số đầu năm	108.616.025.387	27.154.006.350	81.462.019.037
Phân bổ trong năm	-	10.861.602.539	-
Số cuối năm	<u>108.616.025.387</u>	<u>38.015.608.889</u>	<u>70.600.416.498</u>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan	1.223.158.168	1.223.158.168	3.449.908.643	3.449.908.643
- Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie	1.223.158.168	1.223.158.168	3.449.908.643	3.449.908.643
Phải trả nhà cung cấp khác	223.324.249.828	223.324.249.828	240.321.772.910	240.321.772.910
- Nhà cung cấp khác	223.324.249.828	223.324.249.828	240.321.772.910	240.321.772.910
Cộng	<u>224.547.407.996</u>	<u>224.547.407.996</u>	<u>243.771.681.553</u>	<u>243.771.681.553</u>

17 .NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty TNHH Kim Hà Việt	19.102.925.000	19.102.925.000
- Các khách hàng khác	8.578.835.092	10.715.313.685
Cộng	<u>27.681.760.092</u>	<u>29.818.238.685</u>

18 .THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
. Thuế giá trị gia tăng	5.153.328.997	-	8.455.199.953	7.939.593
. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	569.326.090
. Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.683.688.905	19.312.982.095	13.548.412.405	21.053.496.395
. Thuế thu nhập cá nhân	2.008.102.163	122.689.751	1.186.286.614	157.759.082
. Tiền thuê đất	-	-	998.583.600	-
. Các loại thuế khác	281.387.061	445.764.951	96.153.470	325.285.703
Cộng	<u>24.126.507.126</u>	<u>19.881.436.797</u>	<u>24.284.636.042</u>	<u>22.113.806.863</u>

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thức ăn chăn nuôi	Không chịu thuế
- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Hàng nông sản, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh thú y	5%
- Hàng hoá khác bán trong nội địa (*)	10%

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

(*) Từ ngày 1/7/2025 đến 31/12/2025 áp dụng theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty con trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi và thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

* Công ty Cổ phần Anova Feed - Trụ sở chính được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi với thuế suất ưu đãi 17%. Công ty Cổ phần Anova Feed - Chi nhánh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Anova Feed - Chi nhánh Hưng Yên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong bốn năm tiếp theo.

* Công ty Liên doanh TNHH Anova theo Giấy chứng nhận đầu tư số 9804265147 ngày 23/3/2020 do Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam - Singapore cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất các chất bổ sung cho thức ăn chăn nuôi và thủy sản với thuế suất 15% hàng năm, Công ty được miễn thuế trong hai năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ phần Anova Feed	17.565.084.929	18.270.664.076
Công ty Cổ phần Anova Biotech	4.155.264.268	4.349.438.782
Công ty Cổ phần Anova Tech	124.454.453	120.031.501
Công ty Liên doanh TNHH Anova	10.353.791.781	6.083.717.543
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET	1.065.328.353	2.204.942.574
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm	-	704.981.346
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	2.476.311.631	2.552.776.595
Các công ty khác	16.789.711	-
Cộng	35.757.025.126	34.286.552.417

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế khi kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

01172
 CÔNG TY
 TNHH
 HỮU TỬ
 HÌNH KẾ
 KIỂM TO
 PHÍA NAM
 T.P. HỒ

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại	51.057.927.237	48.256.072.150
- Chi phí lãi vay phải trả	1.989.352.037	2.932.089.145
- Tiền thuê đất	2.457.887.833	2.457.887.833
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	29.406.155.277	16.318.049.742
Cộng	84.911.322.384	69.964.098.870

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
20.1. Ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.406.274.836	11.067.191.676
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.751.598.909	48.584.584.989
* <i>Deutsch Investitions -Und Entwicklungsgesellschaft MBH</i>	68.454.787.393	31.379.856.878
<i>Chi phí lãi vay</i>	59.599.211.331	29.970.727.917
<i>Phải trả khác</i>	8.855.576.062	1.409.128.961
* <i>Các khoản phải trả khác</i>	7.296.811.516	17.204.728.111
Cộng	87.157.873.745	59.651.776.665
20.2. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	280.000.000	280.000.000
Cộng	280.000.000	280.000.000

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

21.1. Ngắn hạn

Là khoản dự phòng phải trả xây dựng cơ bản dở dang nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên.

21.2. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trợ cấp thôi việc	2.896.014.850	2.868.322.265
- Hoàn nguyên môi trường	3.455.083.430	3.140.983.430
Cộng	6.351.098.280	6.009.305.695

22 . QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số đầu năm	4.117.503.914	5.091.757.392
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	14.887.214.000	14.550.056.810
Số chi quỹ trong năm	(15.335.969.290)	(15.427.887.336)
Giảm khác	-	(96.422.952)
Số cuối năm	3.668.748.624	4.117.503.914

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

23.1. Vay ngắn hạn

a. Ngân hàng

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam)

b. Tổ chức

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova
- Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution

c. Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả

- Deutsch Institutions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
(i)	924.588.825.137	924.588.825.137	888.312.031.785	888.312.031.785
(ii)	503.757.186.499	503.757.186.499	447.586.841.975	447.586.841.975
(iii)	24.462.336.767	24.462.336.767	34.790.578.218	34.790.578.218
(iv)	315.733.068.893	315.733.068.893	303.522.797.048	303.522.797.048
(v)	76.010.960.996	76.010.960.996	86.330.382.123	86.330.382.123
	4.625.271.982	4.625.271.982	16.081.432.421	16.081.432.421
(vi)	10.420.000.000	10.420.000.000	16.920.000.000	16.920.000.000
	10.420.000.000	10.420.000.000	10.420.000.000	10.420.000.000
	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000
(vii)	262.080.196.696	262.080.196.696	282.462.509.196	282.462.509.196
(viii)	256.846.037.500	256.846.037.500	277.228.350.000	277.228.350.000
(ix)	4.413.479.196	4.413.479.196	4.413.479.196	4.413.479.196
	820.680.000	820.680.000	820.680.000	820.680.000
Cộng	1.197.089.021.833	1.197.089.021.833	1.187.694.540.981	1.187.694.540.981

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
23.2. Vay dài hạn				
a. Tổ chức				
- Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH		-	55.892.812.500	55.892.812.500
		-	55.892.812.500	55.892.812.500
b. Nợ thuê tài chính				
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	709.699.895	709.699.895	5.943.859.091	5.943.859.091
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công	367.789.895	367.789.895	4.781.269.091	4.781.269.091
thương Việt Nam	341.910.000	341.910.000	1.162.590.000	1.162.590.000
Cộng	709.699.895	709.699.895	61.836.671.591	61.836.671.591

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm		Trên 05 năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm					
Vay dài hạn tổ chức	333.121.162.500	277.228.350.000	55.892.812.500	-	-
Nợ thuê tài chính	11.178.018.287	5.234.159.196	5.943.859.091	-	-
Cộng	344.299.180.787	282.462.509.196	61.836.671.591	-	-
Số cuối năm					
Vay dài hạn tổ chức	256.846.037.500	256.846.037.500	-	-	-
Nợ thuê tài chính	5.943.859.091	5.234.159.196	709.699.895	-	-
Cộng	262.789.896.591	262.080.196.696	709.699.895	-	-

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch bao gồm:
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 500.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho; quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed cùng với vật nuôi, máy móc thiết bị, bất động sản có tổng giá trị không thấp hơn số dư vay nợ.
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng từ ngày giải ngân và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, quyền thu nợ phải thu tương ứng hình thành từ vốn vay.
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu tối thiểu bằng dư nợ.
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 70.000.000.000 VND.
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 40.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng bất động sản tại Nhà máy Xuxifarm tại tỉnh Tây Ninh, hợp đồng tiền gửi trị giá 5.116.588.043 VND và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va phát hành, thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn bao gồm:
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 400.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 400.000.000.000 VND, Quyền sử dụng đất, hàng hóa, và tài sản cố định của nhà máy ở Trụ sở chính; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET – một công ty thành viên thuộc Tập đoàn và Quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed với giá trị cao nhất 150.000.000.000 VND.
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay/bảo lãnh/phát hành thư tín dụng là 12 tháng với lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm:
- * Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 30.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và bất động sản tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 70.000.000.000 VND.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) bao gồm:
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 640.000 USD với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 640.000 USD (giá trị bảo đảm sẽ được quy đổi thành VND tại thời điểm phát sinh sự kiện).
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 28.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn 2.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Anova Farm tương ứng với 30% dư nợ và Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 28.000.000.000 VND. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.
- (vi) Khoản vay tín chấp của Công ty TNHH Asian Pacific tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova, thời hạn vay là 2 năm và được gia hạn với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.
- (vii) Vay Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH, một tổ chức tín dụng thành lập ở Đức, bao gồm:
- * Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền 17.500.000 USD theo hợp đồng ký ngày 07 tháng 10 năm 2021 để phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung và dài hạn. Khoản vay đáo hạn trong năm 2026 với lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Công ty Cổ phần Anova Farm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET, Công ty Cổ phần NovaGroup và 35% giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer đang được nắm giữ bởi các cổ đông lớn (được đảm bảo đồng thời cho khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH). Khoản vay đã quá hạn chưa được thanh toán với số tiền 7.550.000 USD tương đương 199.146.350.000 VND.
 - * Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Anova Feed với số tiền 10.000.000 USD theo hợp đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi. Khoản vay có thời hạn 5 năm với lãi suất từ 4,89%/năm và được đảm bảo bằng 99,99% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Anova Feed và 30% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Đồng Nai. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.
- (viii) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 48 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê được quy định theo từng hợp đồng.
- (ix) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 36 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê được quy định theo từng hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	70.988.004.240	224.549.770.748	20.517.703.946	1.936.725.359.381
. Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	82.868.878.458	16.318.124.165	99.187.002.623
. Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.689.470	(13.629.222.691)	(1.921.523.590)	(14.550.056.811)
. Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(12.526.466.026)	(12.526.466.026)
. Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(4.232.625.979)	-	(4.232.625.979)
Số dư cuối năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.710	289.556.800.536	22.387.838.495	2.004.603.213.188
Số dư đầu năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.710	289.556.800.536	22.387.838.495	2.004.603.213.188
. Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	193.000.491.882	23.428.997.762	216.429.489.644
. Trích lập các quỹ	-	-	-	513.591.630	(13.486.433.014)	(1.914.372.616)	(14.887.214.000)
. Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(67.398.315.000)	(76.293.089)	(67.474.608.089)
. Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(10.687.111.378)	(10.687.111.378)
. Điều chỉnh khác	-	-	-	-	129.227.386	271.908.957	401.136.343
Số dư cuối năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	401.801.771.790	33.410.968.131	2.128.384.905.708

0501172
 CÔNG TY
 TNHH
 CH VỤ TƯ V
 CHÍNH KẾ
 Á KIỂM TO
 PHÍA NAM
 T.P HỒ

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	65,61%	785.873.850.000	785.873.850.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	13,72%	164.389.210.000	164.389.210.000
- Cổ đông khác	20,67%	247.580.190.000	247.580.190.000
Cộng	100%	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 số 07/2025/NQ/ĐHCĐ-NCG ngày 25/6/2025 thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty đã được phê duyệt năm 2024 và thông qua kế hoạch Phát hành cổ phiếu cho người lao động ("ESOP") năm 2025 của Công ty với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá tối đa 5% tổng giá trị cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến Quý II năm 2026.

c. Cổ phiếu

	31/12/2025	1/1/2025
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.784.325	119.784.325
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.784.325	119.784.325
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	119.784.325	119.784.325
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	119.784.325	119.784.325
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/cổ phiếu	

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	1/1/2025
+ Dollar Mỹ (USD)	\$ 839.532,49	\$ 138.267,42

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1.1. Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	827.754.631.510	846.406.441.020
- Doanh thu bán thành phẩm	4.048.405.812.203	3.712.842.640.319
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.543.196.675	4.633.217.419
- Doanh thu khác	-	80.182.668
Cộng	4.882.703.640.388	4.563.962.481.426

1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh liên kết được trình bày ở thuyết minh V.2. Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chiết khấu thương mại	348.327.869.882	311.095.586.592
- Hàng bán bị trả lại	9.482.261.981	3.970.887.365
- Giảm giá hàng bán	18.999.780	17.395.269
Cộng	357.829.131.643	315.083.869.226

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	715.912.441.146	762.550.528.998
- Giá vốn thành phẩm đã bán	3.051.287.750.485	2.916.356.328.702
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.413.064.361	3.034.258.055
- Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.197.046.874)	(2.868.563.935)
Cộng	3.770.416.209.118	3.679.072.551.820

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.328.753.606	37.605.962.213
- Lãi chênh lệch tỷ giá	8.928.879.583	3.191.230.812
- Chiết khấu thanh toán	930.628.624	556.097.559
- Lãi từ chuyển nhượng vốn	9.080.864.273	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	77.977.240
- Doanh thu tài chính khác	1.258.047	-
Cộng	60.270.384.133	41.431.267.824

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	71.656.095.055	86.004.779.141
- Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.101.646.249	3.202.487.618
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.899.379.324	7.064.983.107
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.312.593.856	14.957.469.388
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	2.658.295.841	(5.335.744.712)
- Chi phí tài chính khác	7.525.463.577	4.209.635.446
Cộng	103.153.473.902	110.103.609.988

6 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên	105.927.797.674	96.861.142.548
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.942.780.541	1.904.696.026
- Chi phí tiếp thị, khuyến mại và quảng cáo	84.279.623.705	54.363.388.882
- Chi phí vận chuyển	24.682.905.498	19.711.666.318
- Chi phí thuê	16.918.226.243	11.015.449.769
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.118.324.162	20.595.228.126
- Chi phí bằng tiền khác	45.834.204.022	42.091.404.653
Cộng	293.703.861.845	246.542.976.322

7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên	103.662.317.661	91.142.472.202
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.520.922.040	20.900.906.613
- Phân bổ lợi thế thương mại	10.861.602.539	10.861.602.540
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	20.833.172.851	(36.212.306.330)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.461.326.607	7.957.710.314
- Chi phí khác	32.786.678.581	45.440.199.437
Cộng	195.126.020.279	140.090.584.776

8 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	880.934.304	-
- Các khoản thu nhập khác	2.296.949.782	829.125.122
Cộng	3.177.884.086	829.125.122

9 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	284.267.597
- Các khoản chi phí khác	711.132.189	3.909.744.079
Cộng	711.132.189	4.194.011.676

10 . LÃI TRÊN CỔ PHIẾU/SUY GIẢM

10.1 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	193.000.491.882	82.868.878.458
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	193.000.491.882	82.868.878.458
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	119.784.325	119.784.325
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.611	692

10.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất.

11 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.931.493.309.554	3.221.354.396.566
- Chi phí nhân công	548.768.922.150	380.951.499.628
- Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	95.083.734.262	98.429.444.531
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.610.690.536	347.260.311.787
- Chi phí bằng tiền khác	291.661.365.006	186.778.691.362
Cộng	4.322.618.021.508	4.234.774.343.874

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**
 Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**
 Không phát sinh
- Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.869.294.652.706	3.874.019.310.997
Cộng	2.869.294.652.706	3.874.019.310.997

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.917.806.387.803	4.017.976.583.233
Cộng	2.917.806.387.803	4.017.976.583.233

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên có liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác

- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang
- Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A
- Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co
- Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Cổ đông
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết

1.a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Các cổ đông lớn dùng 35% cổ phần thuộc sở hữu của mình tại Công ty mẹ để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (Thuyết minh số V.23)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thù lao của Hội đồng quản trị	3.052.021.293	3.339.031.778
- Thù lao của Ban quản lý	4.547.886.292	2.417.668.730
Ông Trần Mạnh Hòa	820.134.917	-
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	1.320.845.939	2.417.668.730
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc	2.406.905.436	-
- Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác	547.024.775	459.440.194
Cộng	8.146.932.360	6.216.140.702

1.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với bên có liên quan

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Trong năm, không phát sinh giao dịch khác giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết

Giá hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thoả thuận. Việc mua hàng hoá, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thoả thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

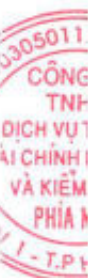
2 . Thông tin về bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý: Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở trong nước và theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sức khỏe vật nuôi: Sản xuất, mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.
- Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và trang trại: Sản xuất, thương mại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và chăn nuôi trang trại.
- Lĩnh vực thực phẩm: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Sức khỏe vật nuôi VND	Thức ăn chăn nuôi, trang trại VND	Thực phẩm VND	Các lĩnh vực khác VND	Các khoản loại trừ VND	Cộng VND
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	999.609.181.378	3.150.815.925.408	373.604.994.713	844.407.246	-	4.524.874.508.745
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	178.527.407.008	292.434.270	890.574.428	23.057.284.366	(202.767.700.072)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.178.136.588.386	3.151.108.359.678	374.495.569.141	23.901.691.612	(202.767.700.072)	4.524.874.508.745
- Giá vốn	940.187.529.815	2.764.662.465.049	243.692.588.651	6.665.502.356	(184.791.876.753)	3.770.416.209.118
Lợi nhuận gộp	237.949.058.571	386.445.894.629	130.802.980.490	17.236.189.256	(17.975.823.319)	754.458.299.627
- Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(488.829.882.124)
- Doanh thu hoạt động tài chính						60.270.384.133
- Chi phí tài chính						(103.153.473.902)
- Lãi/lỗ công ty liên doanh liên kết	20.585.980.714					20.585.980.714
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						243.331.308.448
- Thu nhập khác						3.177.884.086
- Chi phí khác						(711.132.189)
Lợi nhuận trước thuế						245.798.060.345
- Chi phí thuế TNDN hiện hành						(35.757.025.126)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại						6.388.454.425
Lợi nhuận sau thuế TNDN						216.429.489.644



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi, trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	859.973.788.399	3.006.623.059.628	381.511.704.173	770.060.000	-	4.248.878.612.200
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	158.878.656.472	360.240.875.929	4.705.622.005	20.859.400.000	(544.684.554.406)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.018.852.444.871	3.366.863.935.557	386.217.326.178	21.629.460.000	(544.684.554.406)	4.248.878.612.200
- Giá vốn	819.601.711.827	3.077.164.796.966	273.077.462.207	5.822.436.625	(496.593.855.805)	3.679.072.551.820
Lợi nhuận gộp	199.250.733.044	289.699.138.591	113.139.863.971	15.807.023.375	(48.090.698.601)	569.806.060.380
- Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(386.633.561.098)
- Doanh thu hoạt động tài chính						41.431.267.824
Chi phí tài chính						(110.103.609.988)
- Lãi/lỗ công ty liên doanh liên kết	14.662.868.617					14.662.868.617
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						129.163.025.735
- Thu nhập khác						829.125.122
- Chi phí khác						(4.194.011.676)
Lợi nhuận trước thuế						125.798.139.181
- Chi phí thuế TNDN hiện hành						(34.286.552.417)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại						7.675.415.859
Lợi nhuận sau thuế TNDN						99.187.002.623



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tài sản, nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn

	Sức khỏe vật nuôi VND	Thức ăn chăn nuôi, trang trại VND	Thực phẩm VND	Các lĩnh vực khác VND	Các khoản loại trừ VND	Cộng VND
Số cuối kỳ						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	851.894.463.086	2.052.891.539.777	1.091.693.304.290	-	(2.235.819.787.889)	1.760.659.519.264
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
- Tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản						2.168.378.242.176
						<u>3.929.037.761.440</u>
- Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	278.805.235.242	943.175.698.263	181.710.490.199	-	64.116.795.753	1.467.808.219.457
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
- Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	332.844.636.275
Tổng nợ phải trả						<u>1.800.652.855.732</u>
Số đầu năm						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	767.314.009.527	2.091.299.649.191	1.159.432.188.906	-	(2.203.309.289.625)	1.814.736.557.999
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
- Tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản						1.960.767.148.345
						<u>3.775.503.706.344</u>
- Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	230.015.284.213	958.674.491.518	283.416.492.692	-	(30.461.601.353)	1.441.644.667.070
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
- Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	329.255.826.086
Tổng nợ phải trả						<u>1.770.900.493.156</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3 . Công cụ tài chính

Theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026 


Nguyễn Hiền Liêm
Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật